TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 21-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Ông Trần Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thương Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Đoàn Minh N, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1997 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Bình T và bà Lê Thị S; có vợ tên Trần Thị D (không đăng ký kết hôn) và 01 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm hoãn xuất cảnh và Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14-11-2024 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* chị Cao Kim C1, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N nhiều lần đến nhà nghỉ "Mai T" thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh để thuê phòng nghỉ qua đêm, nên thấy trong phòng số 4A chị C1 (là người thuê trọ) có 01 con cóc bằng gỗ xá xị, N nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 05-10-2024, N nhờ Vũ Hồng P chở đến nhà nghỉ thuê phòng số 5A bên cạnh phòng 4A, N quan sát xung quanh không thấy ai nên đi qua phòng 4A mở cửa thì thấy cửa khóa bên trong nên giả vờ gọi nhưng không có ai trả lời. Sau đó, N đi về phòng của mình đóng cửa rồi trèo lên vách ngăn nhà tắm, tháo la phông phòng số 5A trèo qua phòng 4A và chiếm đoạt của chị C1 các tài sản gồm: 01 con cóc bằng gỗ xá xị, 01 chiếc nhẫn vàng, 02 chiếc bông tai bằng bạch kim, 02 đồng hồ đeo tay và 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tài sản trên, theo lối cũ N mang về phòng 5A cất giấu và điện thoại cho vợ là chị Trần Thị D đến đón N về nhà. Khoảng 22 giờ cùng ngày, chị D điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển số 70D1- 85.669 đến đón N, nhưng không vào phòng 5A mà ở lại phòng 11B gặp người quen, N lấy xe mô tô của chị D chở con cóc bằng gỗ đi đến nhà mẹ ruột là bà Lê Thị N1, sinh năm 1961, ngụ ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh để cất giấu; các tài sản còn lại N để trong cốp xe của chị D rồi quay lại phòng trọ 5A ngủ. Sáng ngày 06-10-2024, N chở chị D đi đến nhà mẹ ruột lấy con cóc bằng gỗ rồi đi về nhà. N giữ lại con cóc gỗ, 02 chiếc đồng hồ đeo tay, số tài sản còn lại N mang đến tiệm vàng "Ánh D1" thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh bán được 4.530.000 đồng tiêu xài cá nhân hết chỉ còn lại 1.000.000 đồng thì bị thu giữ.

* Kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTS ngày 06-11-2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự kết luận:

- 02 (hai) chiếc bông tai bằng bạch kim 750, có đính 02 viên đá tinh thể trong suốt, có giá trị 18.450.000 đồng;

- 01 (một) nhẫn vàng 18K, khối lượng 05 phân có giá trị 2.700.000 đồng;

- 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu TISOT, dây da màu đen, đã qua sử dụng có giá trị 100.000 đồng;

- 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu GUESS, dây bằng kim loại, có giá trị 280.000 đồng;

- 01 (một) con cóc bằng gỗ xá xị, đường kính 30cm có giá trị 1.000.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt nêu trên là 22.530.000 đồng.

* *Kết luận giám định số*: 2504/KL-KTH, ngày 17-12-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: 02 (Hai) tờ tiền Việt Nam đồng (P) mệnh giá 500.000 có số sêri như sau: DB16696627; BX08580815 là tiền thật.

* *Phần trách nhiệm dân sự:* chị C1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, bị cáo N đã tác động gia đình bồi thường cho chị C1 số tiền 17.000.000 đồng, chị C1 không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho N.

** Kết quả kê biên tài sản*: qua xác minh bị cáo N không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKSTB, ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Đoàn Minh N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố về đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Minh N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Minh N từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

** Bồi thường thiệt hại:* căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo N đã bồi thường cho bị hại chị C1 số tiền 17.000.000 đồng, chị C1 không yêu cầu bị cáo N bồi thường gì thêm.

** Về xử lý vật chứng:* căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Vào ngày 05-10-2024, tại phòng trọ số 4A nhà nghỉ "Mai T" thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Đoàn Minh N đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Cao Kim C1 gồm: 02 chiếc bông tai, 01 nhẫn vàng, 02 đồng hồ đeo tay, 01 con cóc bằng gỗ xá xị, theo Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 06-

11-2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự là 22.530.000 đồng và số tiền Việt Nam 200.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 22.730.000 đồng. Hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 15/CT-VKSTB, ngày 05-02-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo N và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Đối với Vũ Hồng P, Trần Thị D không biết và không liên quan đến việc N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị C1; chị Đoàn Thị Ánh L là chủ tiệm vàng "Ánh D1" không biết số vàng N đem bán là do trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo Nghĩa L1 nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 17.000.000 đồng và bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Hình phạt áp dụng: xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo N, để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo N không có tài sản có giá trị bị kê biên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp:

[6.1] Về bồi thường thiệt hại: bị cáo N đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại (chị C1) số tiền 17.000.000 đồng, chị C1 không yêu cầu bị cáo N bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6.2] Xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max bị tạm giữ là tài sản của bị cáo N không liên quan đến việc phạm tội, căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo

N, nhưng giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền Việt Nam 1.000.000 đồng là tiền bị cáo N có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: bị cáo Nghĩa là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đoàn Minh N 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đựng trong 01 (một) bì thư niêm phong nguyên vẹn, kèm theo Kết luận giám định số: 2504/KL-KTHS, ngày 17-12-2024, của Phòng K Công an tỉnh T (bản sao y).

- Trả cho bị cáo Đoàn Minh N 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max, số máy: NG9J3LL/A, số sê ri: HH5J20U80D46, nhưng giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-02-2025)

3. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Minh N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Đoàn Minh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (chị Cao Kim C1) quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy